

NGHỊ QUYẾT

Quy định khoảng cách và địa bàn làm căn cứ xác định học sinh không thể đi đến trường và trở về nhà trong ngày; tỷ lệ khoán kinh phí phục vụ việc nấu ăn cho học sinh trường phổ thông dân tộc bán trú trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI KHÓA XII - KỲ HỌP THỨ 3

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ học sinh và trường phổ thông ở xã, thôn đặc biệt khó khăn;

Xét Tờ trình số 118/TTr-UBND ngày 22 tháng 9 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh về quy định khoảng cách và địa bàn làm căn cứ xác định học sinh không thể đi đến trường và trở về nhà trong ngày; tỷ lệ khoán kinh phí phục vụ việc nấu ăn cho học sinh trường phổ thông dân tộc bán trú trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; Báo cáo thẩm tra số 151/BC-HĐND ngày 29/9/2016 của Ban Dân tộc HĐND tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định khoảng cách và địa bàn làm căn cứ xác định học sinh không thể đi đến trường và trở về nhà trong ngày; tỷ lệ khoán kinh phí phục vụ việc nấu ăn cho học sinh trường phổ thông dân tộc bán trú trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Đối với học sinh, gồm:

a) Học sinh tiểu học và trung học cơ sở theo quy định tại khoản 1 Điều 4 của Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ học sinh và trường phổ thông ở xã, thôn đặc biệt khó khăn.

b) Học sinh trung học phổ thông theo quy định tại khoản 2 Điều 4 của Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ học sinh và trường phổ thông ở xã, thôn đặc biệt khó khăn.

2. Trường phổ thông dân tộc bán trú tổ chức nấu ăn tập trung cho học sinh thuộc đối tượng hưởng chính sách theo quy định tại Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ học sinh và trường phổ thông ở xã, thôn đặc biệt khó khăn.

Điều 3. Quy định khoảng cách và địa bàn có địa hình cách trở, giao thông đi lại khó khăn làm căn cứ xác định học sinh không thể đi đến trường và trở về nhà trong ngày

1. Khoảng cách:

Trường hợp học sinh đi học phải qua địa hình cách trở, giao thông đi lại khó khăn như qua biển, sông, suối không có cầu; qua đèo, núi cao; qua vùng sạt lở đất, đá có thể gây mất an toàn, nguy hiểm đối với học sinh khi đi học được xác định với khoảng cách như sau: Nhà ở xa trường với khoảng cách từ 1 km trở lên đối với học sinh tiểu học, từ 2 km trở lên đối với học sinh trung học cơ sở và từ 3 km trở lên đối với học sinh trung học phổ thông.

2. Địa bàn: Xã, thôn đặc biệt khó khăn vùng dân tộc và miền núi, các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo có địa hình cách trở, giao thông đi lại khó khăn.

(Có Phụ lục kèm theo)

Điều 4. Khoản kinh phí phục vụ nấu ăn cho học sinh

Trường phổ thông dân tộc bán trú tổ chức nấu ăn tập trung cho học sinh bán trú được hỗ trợ kinh phí phục vụ việc nấu ăn cho học sinh theo định mức khoản kinh phí bằng 200% mức lương cơ sở/01 tháng/30 học sinh, số dư từ 15 học sinh trở lên được tính thêm một lần định mức; nhưng mỗi trường chỉ được hưởng không quá 05 lần định mức nêu trên/01 tháng và không quá 9 tháng/01 năm.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết này.

2. Hằng năm, UBND tỉnh chỉ đạo rà soát, điều chỉnh, bổ sung Phụ lục Quy định khoảng cách và địa bàn có địa hình cách trở, giao thông đi lại khó khăn làm căn cứ xác định học sinh không thể đi đến trường và trở về nhà trong ngày cho phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương trình Thường trực HĐND tỉnh có ý kiến trước khi tổ chức thực hiện.

3. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 6. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này đã được HĐND tỉnh Quảng Ngãi khóa XII, kỳ họp thứ 3 thông qua ngày 29 tháng 9 năm 2016 và có hiệu lực thi hành từ ngày 10 tháng 10 năm 2016./.

Nơi nhận:

- UBND Quốc hội; Chính phủ;
- Bộ Giáo dục và Đào tạo; Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL, Bộ Tư pháp;
- Vụ Pháp chế, Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Ban Công tác đại biểu của UBND QH;
- TTTU, TT HĐND, UBND tỉnh, UBND TQVN tỉnh
- Các cơ quan tham mưu, giúp việc cho Tỉnh ủy;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các vị đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành, Hội đoàn thể tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Văn phòng Tỉnh ủy, Văn phòng HĐND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh, Văn phòng Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Báo Quảng Ngãi, Đài PTTH tỉnh,;
- Trung tâm Công báo và Tin học;
- Lưu: VT.



Bùi Thị Quỳnh Vân